

Số : 928-12/22-1.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2022

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG**

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY HEINEKEN VIỆT NAM – VŨNG TÀU

2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A, P. Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian lấy mẫu: 09/12/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	CO <sub>2</sub> **	Thiết bị đo khí CO <sub>2</sub> hiện số TESTO 535	-	0÷17.998 mg/m <sup>3</sup>

**KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ**

Chỉ tiêu Điểm đo	CO <sub>2</sub> (mg/m <sup>3</sup> )
Khu vực lên men (928-1.1K)	319
QCVN 03:2019/BYT <sup>(a)</sup>	7.031,25

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(\*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(\*\*): Các chỉ tiêu đã được Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh công nhận**(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC  
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**  
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM  
PHÓ GIÁM ĐỐC**  
Th.S. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 928-12/22-1.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2022

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY HEINEKEN VIỆT NAM – VŨNG TÀU

2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A, P. Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian lấy mẫu: 09/12/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm <sup>3</sup>
2	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m <sup>3</sup> /h

## KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi
Nguồn thải	P (m <sup>3</sup> /h)	(mg/Nm <sup>3</sup> )
HTXL bụi của HT chuyển Malt nấu bia, xử lý qua hệ thống lọc túi vải (928-1.1L1) (Đo tại nguồn thải)	4.416	25
HTXL bụi của HT chuyển gạo (928-1.1L2) (Đo tại nguồn thải)	4.836	29
<b>QCVN 19 : 2009/BTNMT</b> (Giá trị giới hạn B)	$C_{max} = C \times K_p \times K_v$ với $K_p=0,9$ và $K_v = 1$	<b>180</b>

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

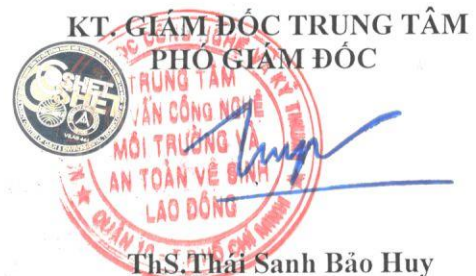
(\*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC  
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM  
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



Số : 928-12/22-1.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2022

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY HEINEKEN VIỆT NAM – VŨNG TÀU

2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A, P. Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian lấy mẫu: 09/12/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sau xử lý ( X = 421415, Y = 1178092)

5/ Kí hiệu mẫu : 928-1.1T

### KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH* (29,9 <sup>o</sup> C)	-	8,01	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	5	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	39	2,0	75	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD <sub>5</sub> **	mg/L	16	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	5,59	1,56	20	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,30	0,017	4	TCVN 6202: 2008
7	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	KPH	0,3	5	SMEWW 5520.B& F: 2017
8	Coliform*	MPN/100mL	500	2	3.000	TCVN 6187-2:1996
9	Clo dư*	mg/L	KPH	0,038	1	SMEWW 4500-C1.G:2017

**Ghi chú:** Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(\*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(\*\*): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**KPH:** Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC  
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM  
PHÓ GIÁM ĐỐC**  


ThS. Thái Sanh Bảo Huy

**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

3/3